

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CHI
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	10 - 58

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được chuyển đổi từ Công ty Cơ khí Lữ Gia, một doanh nghiệp nhà nước được thành lập năm 1978 theo Quyết định số 8032/QĐ-UB-KT ngày 28 tháng 12 năm 1999 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 8 tháng 3 năm 2000 và các lần thay đổi.

Vốn điều lệ của Công ty là 1.928.547.650.000 đồng, được chia thành 192.854.765 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tên giao dịch bằng Tiếng Anh của Công ty: CII Bridges & Roads Investment Joint Stock Company.

Công ty có trụ sở chính tại số 70 Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Vũ Hoàng	Chủ tịch
Ông Rodrigo Emmanuel Franco	Phó Chủ tịch
Ông Lê Quốc Bình	Thành viên
Ông Dương Trường Hải	Thành viên
Ông Phạm Thế Chính	Thành viên (bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2018)
Ông Francis Gerard Elizaga Aberilla	Thành viên (bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2018)
Ông Christopher Daniel C. Lizo	Thành viên (bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2018)
Ông Trần Anh Tuấn	Thành viên (miễn nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2018)
Ông Nguyễn Văn Thành	Thành viên (miễn nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2018)
Ông Denn Charly Gonzales Espanola	Thành viên (miễn nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2018)

Ban Kiểm soát

Ông Trần Ngọc Tiến	Trưởng ban Kiểm soát
Bà Dương Thị Long Nghi	Thành viên
Bà Phạm Thị Thanh Phương	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phạm Thế Chính	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 2 tháng 4 năm 2018)
Ông Nguyễn Văn Thành	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 2 tháng 4 năm 2018)
Ông Francis Gerard Elizaga Aberilla	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 2 tháng 4 năm 2018)
Ông Denn Charly Gonzales Espanola	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 2 tháng 4 năm 2018)
Ông Nguyễn Văn Chính	Giám đốc Tài chính

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Phạm Thế Chính

Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 8 năm 2018

Số: 679 /2018/BCSX-BCTCHN/CPA VIETNAM

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 17 tháng 8 năm 2018, từ trang 5 đến trang 58, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo. Chúng tôi đã tiến hành cuộc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi đưa ra kết luận rằng liệu có bất kỳ sự kiện nào khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, xét trên phương diện tổng thể không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, theo khuôn khổ về lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được áp dụng hay không. Chuẩn mực này cũng yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp có liên quan.

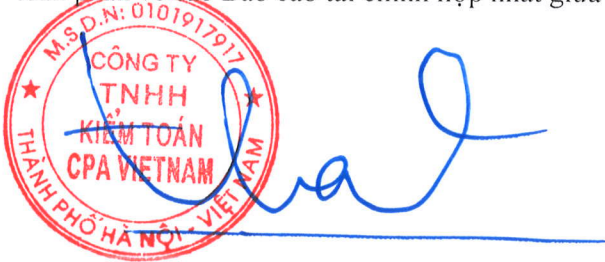
Dịch vụ soát xét Báo cáo tài chính theo Chuẩn mực này là dịch vụ đảm bảo có giới hạn. Kiểm toán viên thực hiện các thủ tục, chủ yếu gồm phỏng vấn Ban Tổng Giám đốc và các nhân sự khác trong đơn vị, nếu thích hợp, thủ tục phân tích và đánh giá bằng chứng thu thập được. Các thủ tục được thực hiện trong dịch vụ soát xét ít hơn đáng kể so với cuộc kiểm toán được tiến hành theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Theo đó, chúng tôi sẽ không đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH
HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Các kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.



The image shows a red circular stamp from CPA Vietnam. The stamp contains the text: "M.S.D.N: 0101917917", "CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM", and "THÀNH PHỐ HÀ NỘI - VIỆT NAM". A blue ink signature is written over the stamp.

Phan Huy Thăng

Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0147-2018-137-1

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens

Hà Nội, ngày 17 tháng 8 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Mẫu B 01a - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018


TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.843.846.584.869	2.769.552.473.756
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	797.957.294.977	771.520.852.883
1. Tiền	111		33.357.294.977	19.320.852.883
2. Các khoản tương đương tiền	112		764.600.000.000	752.200.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		24.202.956.553	205.255.346.085
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.11	24.202.956.553	205.255.346.085
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.946.164.632.977	1.724.735.294.490
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	149.720.203.599	295.155.602.350
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	577.698.366.374	380.639.413.347
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.4	400.675.663.140	197.808.101.513
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	827.257.538.323	856.739.752.202
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(9.187.138.459)	(5.607.574.922)
IV. Hàng tồn kho	140	5.7	31.110.666.801	37.792.560.475
1. Hàng tồn kho	141		31.110.666.801	38.420.168.047
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(627.607.572)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		44.411.033.561	30.248.419.823
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		301.262.534	294.016.743
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		42.540.976.164	28.323.008.999
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.16	1.568.794.863	1.631.394.081
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		7.145.968.995.111	7.075.390.194.316
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		883.677.307.594	1.050.673.158.780
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	5.4	30.000.000.000	231.425.250.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	853.677.307.594	819.247.908.780
II. Tài sản cố định	220		3.142.230.486.609	3.272.009.774.630
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	7.195.540.127	8.208.523.930
- Nguyên giá	222		19.768.089.143	19.768.089.143
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(12.572.549.016)	(11.559.565.213)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	3.135.034.946.482	3.263.801.250.700
- Nguyên giá	228		3.963.025.214.179	3.997.645.930.995
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(827.990.267.697)	(733.844.680.295)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		2.638.552.178.975	2.288.887.559.262
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.10	2.638.552.178.975	2.288.887.559.262
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.11	157.290.368.368	160.945.562.010
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		157.290.368.368	160.945.562.010
V. Tài sản dài hạn khác	260		324.218.653.565	302.874.139.634
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.12	284.625.076.075	240.644.855.102
2. Lợi thế thương mại	269	5.13	39.593.577.490	62.229.284.532
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		9.989.815.579.980	9.844.942.668.072


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)


Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		6.799.285.360.318	6.757.108.041.004
I. Nợ ngắn hạn	310		1.892.567.932.847	2.237.891.062.779
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.14	73.434.250.440	87.315.951.162
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.15	6.968.815.489	8.802.866.142
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.16	44.215.574.512	30.368.529.192
4. Phải trả người lao động	314		20.773.360	1.116.138.916
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.17	39.035.292.693	34.323.785.064
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		46.363.636	246.199.004
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.18	509.961.614.118	628.186.794.700
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.19	1.217.560.230.000	1.445.291.730.000
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.325.018.599	2.239.068.599
II. Nợ dài hạn	330		4.906.717.427.471	4.519.216.978.225
1. Phải trả dài hạn khác	337	5.18	1.236.091.258	1.488.311.758
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.19	4.792.051.360.981	4.404.298.691.235
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	5.20	113.429.975.232	113.429.975.232
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		3.190.530.219.662	3.087.834.627.068
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.21	3.190.530.219.662	3.087.834.627.068
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.928.547.650.000	1.928.547.650.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.928.547.650.000	1.928.547.650.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.657.748.096	3.657.748.096
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		51.283.335.276	51.283.335.276
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		578.687.803.956	486.700.922.072
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		486.022.729.842	339.165.885.928
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		92.665.074.114	147.535.036.144
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		628.353.682.334	617.644.971.624
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		9.989.815.579.980	9.844.942.668.072

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 8 năm 2018


Dương Thị Nhung
Người lập biểu


Nguyễn Văn Chính
Kế toán trưởng


Phạm Thế Chính
Tổng Giám đốc





BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ


Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.22	313.297.885.873	264.493.110.582
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.22	8.639.471.877	7.442.335.374
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	5.22	304.658.413.996	257.050.775.208
4. Giá vốn hàng bán	11	5.23	100.346.473.354	88.222.385.521
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		204.311.940.642	168.828.389.687
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.24	169.645.527.690	167.269.460.805
7. Chi phí tài chính	22	5.25	129.185.151.821	119.040.869.185
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		129.185.151.821	99.229.699.065
8. Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24	5.11	1.101.982.665	2.732.369.847
9. Chi phí bán hàng	25	5.26	14.589.876.791	16.926.089.016
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.27	70.438.856.700	66.423.080.533
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)]	30		160.845.565.685	136.440.181.605
12. Thu nhập khác	31	5.28	948.636.122	493.418.680
13. Chi phí khác	32	5.29	554.076.854	410.257.794
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		394.559.268	83.160.886
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		161.240.124.953	136.523.342.491
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.31	25.901.401.425	21.917.557.330
17. (Thu nhập)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	5.20	-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		135.338.723.528	114.605.785.161
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		92.665.074.114	88.241.245.659
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		42.673.649.414	26.364.539.502
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.32	478	456

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 8 năm 2018


Dương Thị Nhung
Người lập biểu


Nguyễn Văn Chính
Kế toán trưởng


Phạm Thế Chính
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

CHỈ TIÊU	Mã số	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	161.240.124.953	136.523.342.491
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định, bất động sản đầu tư và lợi thế thương mại	02	117.794.278.247	110.154.130.182
Các khoản dự phòng	03	2.951.955.965	-
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(39.599)	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(170.747.470.756)	(150.587.353.467)
Chi phí lãi vay	06	129.284.329.902	99.229.699.065
Các khoản điều chỉnh khác	07	8.219.692.030	7.442.335.374
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	248.742.870.742	202.762.153.645
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	4.940.327.262	(1.102.847.586)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	10.606.239.645	(14.091.315.107)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(8.863.782.214)	13.790.865.008
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	4.068.754.986	(38.238.832.348)
Tiền lãi vay đã trả	14	(142.823.504.825)	(99.518.763.659)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(13.061.700.863)	(17.256.182.237)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	103.609.204.733	46.345.077.716
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(461.654.086.841)	(692.976.141.805)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	125.709.154.754	125.763.700.209
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(103.285.000.000)	(314.219.493.406)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	333.156.383.425	222.054.835.291
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	50.638.312.850	74.256.034.146
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(55.435.235.812)	(585.121.065.565)



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

CHỈ TIÊU	Mã số	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	171.701.000.000
2. Tiền trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	(13.664.135.572)	(12.596.040.000)
3. Tiền thu từ đi vay	33	539.483.491.665	935.357.586.664
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(525.693.035.961)	(305.849.749.556)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(21.863.886.558)	(189.034.247.999)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(21.737.566.426)	599.578.549.109
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	26.436.402.495	60.802.561.260
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	771.520.852.883	799.676.241.298
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	39.599	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	797.957.294.977	860.478.802.558

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 8 năm 2018



Dương Thị Nhung
Người lập biểu

Nguyễn Văn Chính
Kế toán trưởng

Phạm Thế Chính
Tổng Giám đốc

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được chuyển đổi từ Công ty Cơ khí Lữ Gia, một doanh nghiệp nhà nước được thành lập năm 1978 theo Quyết định số 8032/QĐ-UB-KT ngày 28 tháng 12 năm 1999 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 8 tháng 3 năm 2000 và các lần thay đổi.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: CII Bridges & Roads Investment Joint Stock Company, tên viết tắt là: CII Bridges & Roads.

Vốn điều lệ của Công ty là 1.928.547.650.000 đồng, được chia thành 192.854.765 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (“CIH”), trụ sở tại số 00.22 - 00.23 Lakeview 1, số 10, đường R2, Phường An Khánh, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh. Tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ là 54,4%.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, mã cổ phiếu: LGC.

Trụ sở chính của Công ty tại số 70 Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 là 15 (tại ngày 1 tháng 1 năm 2018: 15).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty: lắp đặt hệ thống điện; sản xuất thiết bị điện; sửa chữa thiết bị điện; hoạt động kiến trúc, tư vấn kỹ thuật có liên quan; bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; sản xuất các cấu kiện kim loại; sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại; lắp đặt hệ thống xây dựng khác; bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh; giáo dục nghề nghiệp; xây dựng công trình công ích; xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; chuẩn bị mặt bằng; khai thác xử lý và cung cấp nước; lắp đặt hệ thống cấp thoát nước; kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ là đầu tư xây dựng, khai thác, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật đô thị theo phương thức hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (B.O.T); hợp đồng xây dựng - chuyển giao (BT); thi công xây lắp hệ thống thiết bị chiếu sáng công cộng, duy tu bảo dưỡng công trình công cộng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a - DN/HN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)**Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty đang đầu tư vào các công ty con và công ty liên doanh liên kết như sau:

Công ty con

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
1. Công ty CP Xây dựng Cầu Sài Gòn	Tp. Hồ Chí Minh	89,98%	89,98%	Đầu tư xây dựng dự án B.T Cầu Sài Gòn
2. Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	Tp. Hồ Chí Minh	51%	51%	Đầu tư xây dựng dự án B.O.T mở rộng Xa lộ Hà Nội
3. Công ty CP Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	Tp. Hồ Chí Minh	99,99%	99,99%	Đầu tư, thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ hoàn vốn dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua Tp. Phan Rang - Tháp Chàm
4. Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	Tp. Hồ Chí Minh	100%	100%	Đầu tư, thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ hoàn vốn dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua tỉnh Ninh Thuận
5. Công ty CP Cầu đường Hiền An Bình	Tp. Hồ Chí Minh	99,99%	99,99%	Đầu tư vào các công ty dự án cầu đường
6. Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Cầu đường CII	Tp. Hồ Chí Minh	99,99%	99,99%	Đầu tư vào các công ty dự án cầu đường
7. Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	Tỉnh Bến Tre	51,34%	51,34%	Đầu tư, thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ hoàn vốn Dự án đầu tư xây dựng cầu Rạch Miễu và mở rộng 4 đoạn tuyến Quốc lộ 60
8. Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG (Đầu tư gián tiếp thông qua Công ty CP Cầu đường Hiền An Bình)	Tỉnh Bình Dương	99,99%	99,99%	Đầu tư, thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ hoàn vốn Dự án đầu tư nâng cấp mở rộng đường ĐT 741

Công ty liên doanh, liên kết

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
1. Công ty CP BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Tp. Hồ Chí Minh	10%	10%	Đầu tư, xây dựng đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận
2. Công ty TNHH Dịch vụ MCSC	Tỉnh Bình Dương	45%	45%	Cung cấp dịch vụ thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ và các dịch vụ hạ tầng khác

1.3 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Kỳ kế toán giữa niên độ bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC; Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ các Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (Tiếp theo)

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu trong phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư.

Lợi thế thương mại từ việc mua công ty con được ghi nhận là một loại tài sản dài hạn trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính nhưng không quá 10 năm.

Khi bán công ty con, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng. Định kỳ, Công ty phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con. Nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Công ty không phân bổ khoản lợi thế thương mại này.

Lãi từ nghiệp vụ mua giá rẻ

Lãi phát sinh do giao dịch mua rẻ là phần phụ trội lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con, công ty liên kết, và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát tại ngày phát sinh nghiệp vụ mua công ty so với giá phí hợp nhất kinh doanh. Lãi phát sinh do giao dịch mua rẻ được hạch toán ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại thời điểm phát sinh.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả kinh doanh giữa niên độ.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:

Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền): Đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ tại ngày 30 tháng 6 năm 2018. Tỷ giá Công ty áp dụng để đánh giá lại Tiền bằng ngoại tệ là 22.930 đồng/USD.

Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra bình quân của các ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ tại ngày 30 tháng 6 năm 2018.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá - 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo giá gốc trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập khi các công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư 89/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2014.

Đối với các khoản đầu tư khác, việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập. Trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý, việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu về cho vay là các khoản cho vay theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao tài sản cố định hữu hình và vô hình***Tài sản cố định hữu hình***

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc, thiết bị	05 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm giá trị quyền thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ, quyền sử dụng đất và chương trình phần mềm.

Quyền thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ là tài sản cố định vô hình có được từ hợp đồng B.O.T được ký giữa Công ty với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Nguyên giá của tài sản được xác định theo giá trị quyết toán của dự án trên cơ sở là các chi phí mà Công ty đã bỏ ra để thực hiện đầu tư vào dự án và được Nhà nước chấp thuận. Quyền thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ được khấu hao theo tỷ trọng doanh thu. Giá trị trích khấu hao hàng năm được tính bằng nguyên giá nhân với tỷ lệ doanh thu thu được hàng năm so với tổng doanh thu ước tính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao tài sản cố định hữu hình và vô hình (Tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)

Quyền thu giá mà Công ty có được thông qua việc mua lại công ty con được vốn hóa và ghi nhận như một tài sản cố định vô hình. Giá trị hợp lý của các Quyền thu giá có được từ việc hợp nhất kinh doanh, được xác định bằng cách sử dụng phương pháp chiết khấu dòng tiền thu giá trong tương lai, giá trị của quyền thu giá được định giá sau khi đã trừ đi phần giá trị hợp lý cho các tài sản góp phần tạo ra luồng lưu chuyển tiền đó. Phần chênh lệch giữa giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ của tài sản tại ngày hợp nhất kinh doanh được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thu giá của dự án.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng. Quyền sử dụng đất lâu dài theo quy định hiện hành không tính khấu hao.

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 5 đến 10 năm.

Nguyên tắc kế toán chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước phát sinh chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay của dự án B.O.T và các khoản chi phí trả trước khác.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các dự án B.O.T mà Công ty đầu tư vốn từ ban đầu là chi phí phát sinh trong giai đoạn khai thác hoàn vốn đầu tư. Chi phí này được phân bổ vào kết quả kinh doanh trong kỳ theo tỷ lệ doanh thu thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ của dự án.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả (tiếp theo)

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát sinh và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận theo số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Cổ tức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

Các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập căn cứ vào điều lệ của Công ty và sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty chắc chắn thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ

Doanh thu từ hoạt động thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ trong giai đoạn thu giá được ghi nhận dựa trên doanh số bán vé cầu đường dưới các hình thức theo mức quy định của Nhà nước áp dụng trên mỗi tuyến đường bộ nhất định mà Công ty được phép thu để hoàn vốn đầu tư các dự án B.O.T.

Doanh thu lãi bảo toàn vốn chủ các dự án B.O.T và B.T

Lãi bảo toàn vốn chủ các dự án B.O.T được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư vốn chủ sở hữu Công ty đầu tư vào dự án và tỷ suất lợi nhuận định mức theo quy định của hợp đồng B.O.T. Khoản lợi nhuận này sẽ được giảm trừ dần vào doanh thu thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ hàng năm của dự án. Công ty áp dụng hướng dẫn của Bộ Tài chính tại công văn số 6070/BTC-CST ngày 15 tháng 5 năm 2013 trong việc ghi nhận khoản lãi bảo toàn vốn chủ này.

Lãi vốn chủ của các dự án B.T được ghi nhận khi khoản lãi này được xác định một cách chắc chắn với cơ quan chủ quản tiếp nhận công trình. Khoản lãi này được tính dựa trên tỷ lệ lãi vốn chủ được quy định cụ thể trên từng hợp đồng B.T trên số dư vốn chủ sở hữu thực tế mà Công ty đã đầu tư cho dự án.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Chi phí đi vay trong giai đoạn khai thác hoàn vốn của các dự án B.O.T được phân bổ theo tỷ lệ doanh thu thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ nếu Công ty làm chủ đầu tư của dự án hoặc được ghi nhận theo thực tế phát sinh đối với các dự án do Công ty mua lại.

Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Nguyên tắc và phương pháp chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản cho vay.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuế tài chính, các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh điện năng, xây lắp, hoạt động khác và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt	2.339.555.080	1.281.765.748
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	31.017.739.897	18.039.087.135
Các khoản tương đương tiền	764.600.000.000	752.200.000.000
Cộng	797.957.294.977	771.520.852.883

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi tiết kiệm có thời hạn gốc dưới 3 tháng.

5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Phải thu Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giá trị đầu tư dự án B.T xây dựng Cầu Sài Gòn (i)	119.081.722.053	262.140.722.303
Các khách hàng khác	30.638.481.546	33.014.880.047
Cộng	149.720.203.599	295.155.602.350

Trong đó, phải thu khách hàng là các bên liên quan

Công ty CII	78.791.541	324.990.000
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	-	70.400.000
Công ty TNHH Dịch vụ MCSC	105.600.000	-
Công ty CP Cơ khí điện Lữ Gia	-	1.830.943.576
Cộng	184.391.541	2.226.333.576

(i) Số dư khoản phải thu Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh liên quan đến giá trị xây dựng, lãi bảo toàn vốn chủ và lãi trả chậm của Dự án Cầu Sài Gòn. Khoản phải thu này được cam kết hoàn trả trong thời gian 5 năm, chia đều thành 10 kỳ, kỳ đầu tiên bắt đầu ngày 12 tháng 6 năm 2014, kỳ cuối cùng sẽ kết thúc vào ngày 12 tháng 12 năm 2018. UBND Thành phố Hồ Chí Minh cam kết trả lãi chậm thanh toán cho số dư nợ tại mỗi kỳ thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a - DN/HN

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Công ty CII E&C	277.080.559.630	262.862.809.288
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Tuần Lộc (i)	96.000.000.000	-
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng huyện Mỏ Cày Nam	47.306.839.000	46.877.839.000
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng huyện Mỏ Cày Bắc	43.173.138.984	42.936.595.000
Công ty TNHH Thu Trang	36.770.000.000	-
Công ty Xây dựng 123 - CN Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1	21.480.000.000	-
Công ty CP LICOGI 13	20.708.890.483	13.563.000.000
Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Thành Đạt	20.196.130.000	-
Các đối tượng khác	14.982.808.277	14.399.170.059
Cộng	577.698.366.374	380.639.413.347
<i>Trong đó, trả trước cho người bán là các bên liên quan</i>		
Công ty CII E&C	277.080.559.630	262.862.809.288
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	653.614.323	2.351.000.000
Cộng	277.734.173.953	265.213.809.288

5.4 Phải thu về cho vay

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Tuần Lộc (i)	231.425.250.000	-
Công ty CII (ii)	168.605.413.140	180.748.101.513
Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	645.000.000	360.000.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại Xây dựng Hoa Lư	-	7.000.000.000
Công ty Xây dựng 123 - CN Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1	-	2.000.000.000
Công ty TNHH Thu Trang	-	1.000.000.000
Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Thành Đạt	-	1.000.000.000
Công ty Cổ phần LICOGI 13	-	1.000.000.000
Công ty TNHH Quốc Vương	-	4.700.000.000
Cộng	400.675.663.140	197.808.101.513
b. Dài hạn		
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Tuần Lộc (i)	-	231.425.250.000
Công ty CP Tư vấn Đầu tư Tài chính Lâm Viên (iii)	30.000.000.000	-
Cộng	30.000.000.000	231.425.250.000
<i>Trong đó, phải thu về cho vay là các bên liên quan</i>		
Công ty CII	168.605.413.140	180.748.101.513

(i) Khoản cho vay theo hợp đồng đã ký ngày 24 tháng 4 năm 2015 với Công ty CP Đầu tư Xây dựng Tuần Lộc để góp vốn vào Công ty CP BOT Trung Lương - Mỹ Thuận. Khoản cho vay này sẽ đáo hạn vào ngày 31 tháng 12 năm 2018. Lãi suất áp dụng kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 8,5%/năm. Khoản cho vay này được đảm bảo bởi cổ phần mà Công ty CP Đầu tư Xây dựng Tuần Lộc sở hữu tại Công ty CP BOT Trung Lương - Mỹ Thuận.

5.4 Phải thu về cho vay (Tiếp theo)

(ii) Số dư cuối kỳ theo hợp đồng cho vay có thời hạn 12 tháng, đáo hạn vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 với lãi suất cho vay là 11%/năm.

(iii) Khoản cho vay theo hợp đồng đã ký ngày 6 tháng 2 năm 2018 với Công ty CP Đầu tư Tài chính Lâm Viên. Khoản cho vay này sẽ đáo hạn vào ngày 18 tháng 4 năm 2020. Lãi suất cho vay là 10,5%/năm. Khoản cho vay này được bảo lãnh thanh toán bởi Công ty CP Tư vấn Chứng khoán Việt Thành.

5.5 Phải thu khác

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Phải thu Công ty CP Tập đoàn Yên Khánh về vốn và lãi hợp tác đầu tư theo hợp đồng BCC (i)	505.867.252.746	481.432.609.768
<i>Phải thu gốc</i>	462.850.380.000	462.850.380.000
<i>Phải thu lãi</i>	43.016.872.746	18.582.229.768
Khoản tạm ứng lợi nhuận cho cổ đông không kiểm soát của Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	78.926.169.274	58.989.094.371
Phải thu về vốn và lãi hợp tác đầu tư dự án cầu Rạch Chiếc	70.909.122.796	101.642.247.273
Lãi cho vay phải thu Công ty CP Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	64.951.210.674	-
Khoản trả trước tiền mua cổ phần của Công ty CP Xây dựng Cầu Sài Gòn	25.192.080.000	12.596.040.000
Điều chỉnh giảm giá trị Dự án mở rộng Quốc lộ 1A, đoạn qua tỉnh Ninh Thuận theo kết luận của kiểm toán Nhà nước	16.377.024.429	-
Lãi bảo toàn vốn chủ Dự án mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A, đoạn qua thành phố Phan Rang - Tháp Chàm	14.884.670.748	14.884.670.748
Phải thu các nhà thầu khoản giảm giá trị xây lắp cầu Sài Gòn	5.721.000.250	-
Cổ tức, lợi nhuận phải thu	4.651.176.308	894.000.000
Phải thu lãi cho vay, lãi tiền gửi tiết kiệm	3.237.125.579	3.185.529.807
Phải thu Công ty CP Hoàng An	2.164.201.375	52.420.364.500
Lãi bảo toàn vốn chủ Dự án mở rộng Quốc lộ 1A, đoạn qua tỉnh Ninh Thuận	777.356.655	1.554.713.311
Ký cược, ký quỹ	14.000.000	9.000.000
Phải thu người lao động	491.436.241	282.010.167
Các khoản chi hộ	100.890.713	63.173.713
Trả trước tiền mua phần vốn góp trong Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	-	96.000.000.000
Phải thu đối tượng khác	32.992.820.535	32.786.298.544
Cộng	827.257.538.323	856.739.752.202

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a - DN/HN

5.5 Phải thu khác (Tiếp theo)

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
b. Dài hạn		
Lãi bảo toàn vốn chủ Dự án mở rộng Xa lộ Hà Nội	745.671.679.484	648.738.949.820
Lãi bảo toàn vốn chủ Dự án mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A, đoạn qua thành phố Phan Rang - Tháp Chàm	70.702.186.053	78.144.521.427
Lãi bảo toàn vốn chủ Dự án mở rộng Quốc lộ 1A, đoạn qua tỉnh Ninh Thuận	31.482.944.545	31.482.944.545
Lãi cho vay phải thu Công ty CP Đầu tư Xây dựng Tuần Lộc	-	55.060.995.476
Đặt cọc mua cổ phần Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	5.820.497.512	5.820.497.512
Cộng	853.677.307.594	819.247.908.780
	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
<i>Trong đó, phải thu khác là các bên liên quan</i>		
Phải thu Công ty CII về vốn và lãi hợp tác đầu tư dự án cầu Rạch Chiếc	70.909.122.796	101.642.247.273
Phải thu Công ty CII về khoản trả trước tiền mua cổ phần của Công ty CP Xây dựng Cầu Sài Gòn	25.141.800.000	12.570.900.000
Phải thu Công ty CII về lãi cho vay Công ty TNHH Dịch vụ MCSC	1.903.586.261	1.120.078.096
Cộng	6.439.823.308	3.624.100.000
	104.394.332.365	118.957.325.369

- (i) Khoản phải thu Công ty CP Tập đoàn Yên Khánh gồm vốn và lãi hợp tác đầu tư theo hợp đồng BCC ký ngày 10 tháng 8 năm 2017. Theo đó, Công ty hợp tác với công ty Yên Khánh để đầu tư góp vốn vào Công ty CP BOT Trung Lương - Mỹ Thuận.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CHÌ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a - DN/HN

5.6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Đơn vị tính: VND

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7.468.434.817	561.947.876	3.888.871.280	561.947.876
Trả trước cho người bán ngắn hạn	1.806.136.000	-	1.806.136.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	474.515.518	-	474.515.518	-
Cộng	9.749.086.335	561.947.876	6.169.522.798	561.947.876
				5.607.574.922

5.7 Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	-	-	32.650.364	(32.650.364)
Công cụ, dụng cụ	-	-	1.456.000	(1.456.000)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	30.382.232.630	-	37.488.713.069	-
<i>Chi phí thi công, lắp đặt, duy tu dở dang</i>	8.443.869.881	-	18.847.088.719	-
<i>Chi phí cung cấp dịch vụ dở dang</i>	82.197.295	-	82.197.295	-
<i>Chi phí đầu tư các dự án B.O.T chưa khai thác</i>	21.856.165.454	-	18.559.427.055	-
Thành phẩm	-	-	528.730.757	(528.730.757)
Hàng hóa	728.434.171	-	368.617.857	(64.770.451)
Cộng	31.110.666.801	-	38.420.168.047	(627.607.572)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CHÌ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a - DN/HN

5.8 Tài sản cố định hữu hình*Đơn vị tính: VND*

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2018	7.842.894.831	5.728.217.718	4.641.492.704	1.555.483.890	19.768.089.143
Tại ngày 30/06/2018	7.842.894.831	5.728.217.718	4.641.492.704	1.555.483.890	19.768.089.143
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2018	4.445.554.769	3.624.428.153	2.315.690.738	1.173.891.553	11.559.565.213
Khấu hao trong năm	294.748.319	197.248.321	304.736.405	216.250.758	1.012.983.803
Tại ngày 30/06/2018	4.740.303.088	3.821.676.474	2.620.427.143	1.390.142.311	12.572.549.016
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2018	3.397.340.062	2.103.789.565	2.325.801.966	381.592.337	8.208.523.930
Tại ngày 30/06/2018	3.102.591.743	1.906.541.244	2.021.065.561	165.341.579	7.195.540.127

Nguyên giá của các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 là 2.746.525.276 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2017: 2.746.525.276 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a - DN/HN

5.9 Tài sản cố định vô hình*Đơn vị tính: VND*

	Quyền thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2018	3.996.597.781.995	733.149.000	315.000.000	3.997.645.930.995
Điều chỉnh giảm nguyên giá (i)	(34.620.716.816)	-	-	(34.620.716.816)
Tại ngày 30/06/2018	3.961.977.065.179	733.149.000	315.000.000	3.963.025.214.179
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2018	733.664.065.134	-	180.615.161	733.844.680.295
Khấu hao trong kỳ	94.110.015.974	-	35.571.428	94.145.587.402
Tại ngày 30/06/2018	827.774.081.108	-	216.186.589	827.990.267.697
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2018	3.262.933.716.861	733.149.000	134.384.839	3.263.801.250.700
Tại ngày 30/06/2018	3.134.202.984.071	733.149.000	98.813.411	3.135.034.946.482

- (i) Trong kỳ, Công ty đã điều chỉnh giảm nguyên giá của Quyền thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ hoàn vốn Dự án đầu tư mở rộng Quốc lộ 1A, đoạn qua tỉnh Ninh Thuận theo kết luận của Kiểm toán Nhà nước.

Thông tin chi tiết về các quyền thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ Công ty đang kiểm soát như sau:

a. Quyền thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ hoàn vốn đầu tư dự án tuyến tránh Quốc lộ 1A, đoạn qua thành phố Phan Rang - Tháp Chàm

Quyền thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ hoàn vốn đầu tư Dự án đầu tư mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A, đoạn qua thành phố Phan Rang - Tháp Chàm với nguyên giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 582.631.566.742 đồng. Nguyên giá này được xác định dựa trên các chi phí Công ty đã bỏ ra để thực hiện đầu tư dự án theo hợp đồng B.O.T ký ngày 8 tháng 12 năm 2008 giữa Cục đường bộ Việt Nam và Liên doanh giữa Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy. Việc thu giá hoàn vốn đã chính thức được thực hiện từ thời điểm 0h ngày 20 tháng 5 năm 2013. Quyền thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ được khấu hao theo doanh thu với tỷ lệ khấu hao hiện nay là 30% doanh thu thu giá của dự án. Việc Công ty thực hiện khấu hao quyền thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ theo tỷ lệ doanh thu đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 6070/BTC-CST ngày 15 tháng 5 năm 2013. Công ty đã đăng ký với Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh về phương pháp và tỷ lệ khấu hao. Tỷ lệ khấu hao có thể được điều chỉnh và đăng ký lại khi giá trị đầu tư vào dự án được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết toán.

Kể từ thời điểm 0h ngày 1 tháng 4 năm 2017, Công ty chấm dứt thu giá hoàn vốn đầu tư dự án tại trạm Thành Hải, đồng thời bắt đầu thu giá hoàn vốn đầu tư dự án tại trạm Cà Ná song song với hoạt động thu giá hoàn vốn đầu tư Dự án đầu tư mở rộng Quốc lộ 1A, đoạn qua tỉnh Ninh Thuận theo chỉ đạo của Bộ Giao thông Vận tải và Bộ Tài chính.

5.9 Tài sản cố định vô hình (Tiếp theo)

b. Quyền thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ hoàn vốn Dự án đầu tư mở rộng Quốc lộ 1A, đoạn qua tỉnh Ninh Thuận

Quyền thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ hoàn vốn Dự án đầu tư mở rộng Quốc lộ 1A, đoạn qua tỉnh Ninh Thuận theo hình thức hợp đồng B.O.T với nguyên giá tạm ghi nhận tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 1.673.564.765.347 đồng. Nguyên giá được xác định dựa trên các chi phí Công ty đã bỏ ra để thực hiện đầu tư dự án theo hợp đồng B.O.T ký ngày 8 tháng 12 năm 2014 với Bộ Giao thông Vận tải. Trạm thu giá Cà Ná đã chính thức được đưa vào thu giá hoàn vốn từ thời điểm 0h ngày 1 tháng 4 năm 2017. Quyền thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ được khấu hao theo doanh thu với tỷ lệ khấu hao hiện nay là 10% doanh thu thu giá của dự án. Tỷ lệ khấu hao có thể được điều chỉnh và đăng ký lại khi giá trị đầu tư vào dự án được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết toán.

c. Quyền thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ đường ĐT 741

Quyền thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ hoàn vốn đầu tư Dự án đầu tư nâng cấp mở rộng đường ĐT 741 tỉnh Bình Dương, đoạn từ Km 0 + 000 đến Km 49 + 670,4, với nguyên giá là 672.113.302.847 đồng. Nguyên giá này được xác định dựa trên các chi phí Công ty đã bỏ ra để thực hiện đầu tư dự án theo hợp đồng B.O.T ký ngày 9 tháng 9 năm 2009 với Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương. Trạm thu giá đường ĐT 741 chính thức được đưa vào thu giá hoàn vốn đầu tư từ ngày 1 tháng 9 năm 2011. Quyền thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ được khấu hao theo doanh thu với tỷ lệ khấu hao hiện nay là 7,77% doanh thu thu giá của dự án.

Tại ngày mua Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG, Công ty đã đánh giá lại giá trị tài sản thuần của công ty con này. Theo đó, giá trị quyền thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ được ghi nhận tăng lên 276.430.752.980 đồng, đây là khoản chênh lệch giữa giá trị do Công ty thực hiện đánh giá lại theo phương pháp chiết khấu dòng tiền thu được trong tương lai từ hoạt động thu giá so với giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con tại ngày hợp nhất kinh doanh. Giá trị tăng thêm này chỉ được ghi nhận vào Báo cáo tài chính hợp nhất mà không có bất kỳ sự điều chỉnh nào cho giá trị ghi sổ của tài sản trên Báo cáo tài chính riêng của công ty con. Việc thực hiện đánh giá lại giá trị hợp lý của công ty con được thực hiện bởi công ty có chức năng cung cấp dịch vụ thẩm định giá trị doanh nghiệp theo quy định của pháp luật. Phần giá trị tăng thêm do đánh giá lại giá trị hợp lý của tài sản được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 20 năm 3 tháng, phù hợp với thời gian thu giá còn lại của dự án tính từ thời điểm hợp nhất công ty con.

d. Quyền thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ cầu Rạch Miễu

Công ty được phép thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ cầu Rạch Miễu để hoàn vốn đầu tư dự án mở rộng Quốc lộ 60, nối liền tỉnh Bến Tre và tỉnh Tiền Giang. Đây là dự án đầu tư theo hình thức B.O.T có phần vốn hỗ trợ của Ngân sách Nhà Nước, được Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải phê duyệt. Nguyên giá của tài sản được ghi nhận dựa trên các chi phí mà Công ty đã bỏ ra và được tính vào giá trị của dự án là 501.138.270.900 đồng. Công ty được thu giá hoàn vốn trong khoảng 13 năm 5 tháng bao gồm cả 3 năm tạo lợi nhuận cho nhà đầu tư, dự kiến sẽ kết thúc vào tháng 8 năm 2022. Công ty thực hiện khấu hao quyền thu giá này theo doanh thu với tỷ lệ hiện nay là 28%.

5.9 Tài sản cố định vô hình (Tiếp theo)

d. Quyền thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ cầu Rạch Miễu (Tiếp theo)

Tại ngày mua Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu - doanh nghiệp đầu tư và quản lý trực tiếp dự án này, Công ty đã đánh giá lại giá trị tài sản thuần của công ty con theo phương pháp chiết khấu dòng tiền phát sinh trong tương lai từ hoạt động thu giá. Theo đó, giá trị quyền thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ được ghi nhận tăng lên 290.719.123.179 đồng.

Giá trị tăng thêm này chỉ được ghi nhận vào Báo cáo tài chính hợp nhất mà không có bất kỳ sự điều chỉnh nào cho giá trị ghi sổ của tài sản trên Báo cáo tài chính riêng của công ty con. Việc thực hiện đánh giá lại giá trị hợp lý của công ty con được thực hiện bởi công ty có chức năng cung cấp dịch vụ thẩm định giá trị doanh nghiệp theo quy định của pháp luật. Phần giá trị tăng thêm do đánh giá lại giá trị hợp lý của tài sản được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 6 năm đến ngày dự kiến kết thúc thời gian thu giá, phù hợp với thời gian phân bổ lợi thế thương mại phát sinh từ việc hợp nhất công ty con này.

Công ty đã thế chấp các quyền thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ với tổng nguyên giá tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 là 3.961.977.065.179 đồng cùng với các lợi ích kinh tế khác có thể thu được để đảm bảo cho các khoản vay và nợ (chi tiết tại Thuyết minh số 5.19).

Nguyên giá của các tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 là 80.000.000 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2017: 80.000.000 đồng).

5.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Dự án B.O.T mở rộng Xa lộ Hà Nội (i)	2.434.697.510.063	2.228.735.174.053
Dự án Đầu tư Xây dựng, nâng cấp mở rộng 4 đoạn tuyến Quốc lộ 60 nối cầu Rạch Miễu và cầu Cổ Chiên	195.876.257.148	55.563.671.466
Dự án B.O.T mở rộng nâng cấp đường ĐT 741 tỉnh Bình Dương	3.379.426.833	3.197.490.812
Các dự án khác	4.598.984.931	1.391.222.931
Cộng	2.638.552.178.975	2.288.887.559.262

(i) Dự án BOT mở rộng Xa lộ Hà Nội được thực hiện theo hợp đồng Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao số 03/2009/HĐ-B.O.T ngày 25 tháng 11 năm 2009 ký với Sở Giao thông Vận tải TP. Hồ Chí Minh. Tổng mức đầu tư của dự án (không bao gồm lãi vay trong thời gian thi công, chi phí sử dụng vốn và thuế VAT) là 2.538.000.000.000 đồng, trong đó cơ cấu giữa vốn chủ và vốn vay lần lượt là 20% và 80%. Công ty đã sử dụng toàn bộ quyền quản lý, thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ trên Xa lộ Hà Nội (nhằm hoàn vốn đầu tư Dự án Mở rộng Xa lộ Hà Nội), quyền thụ hưởng bảo hiểm mọi rủi ro liên quan đến thi công và xây lắp trong thời gian xây dựng của Dự án Mở rộng Xa lộ Hà Nội để thế chấp cho khoản vay như đã trình bày ở Thuyết minh số 5.19.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a - DN/HN

5.11 Các khoản đầu tư tài chính*Đơn vị tính: VND***a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá đánh giá lại	Giá trị ghi sổ	Giá đánh giá lại	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn	24.202.956.553	24.202.956.553	205.255.346.085	205.255.346.085

b. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	30/06/2018		01/01/2018		
	Giá gốc	Phân lợi nhuận sau ngày đầu tư	Giá trị hợp lý	Phân lợi nhuận sau ngày đầu tư	Giá trị hợp lý
Công ty CP BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	154.483.480.000	1.257.899.990	(i)	154.483.480.000	(i)
Công ty TNHH Dịch vụ MCSC	900.000.000	648.988.378	(i)	900.000.000	(i)
Cộng	155.383.480.000	1.906.888.368		155.383.480.000	5.562.082.010
Cộng giá trị ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu	157.290.368.368			160.945.562.010	

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết tại ngày kết thúc năm tài chính do các công ty này chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán. Đồng thời, các quy định hiện hành chưa có các hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết nêu trên.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a - DN/HN

5.11 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**b. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (Tiếp theo)**

Trong năm, giá trị của các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết thay đổi như sau:

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND
Giá trị ghi nhận tại thời điểm đầu kỳ	160.945.562.010
Giá trị ghi nhận trong kỳ	(3.655.193.642)
<i>Lợi nhuận từ công ty liên doanh, liên kết</i>	1.101.982.665
<i>Lợi nhuận được chia từ công ty liên doanh, liên kết trong kỳ</i>	(4.651.176.308)
<i>Điều chỉnh giảm khác</i>	(105.999.999)
Giá trị ghi nhận tại thời điểm cuối kỳ	157.290.368.368

5.12 Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
Chi phí lãi vay (i)	248.310.720.185	209.369.146.865
Chi phí trung tu cầu đường	36.031.588.012	30.908.120.767
Chi phí trả trước dài hạn khác	282.767.878	367.587.470
Cộng	284.625.076.075	240.644.855.102

(i) Chi phí lãi vay trả trước là chi phí lãi vay tài trợ cho Dự án B.O.T mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A đoạn qua Tp. Phan Rang - Tháp Chàm và Dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1, đoạn qua tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2 phát sinh sau thời điểm dự án đi vào hoạt động và được phân bổ vào kết quả kinh doanh hợp nhất theo tỷ trọng doanh thu.

Tỷ lệ phân bổ chi phí lãi vay hiện nay của Dự án B.O.T mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A đoạn qua Tp. Phan Rang - Tháp Chàm là 10%. Tỷ lệ phân bổ chi phí lãi vay hiện nay của Dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1, đoạn qua tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2 là 20%.

5.13 Lợi thế thương mại

	Giá trị ghi sổ VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	107.500.698.616
Lợi thế thương mại tăng từ việc mua công ty con trong năm	-
Phân bổ vào kết quả kinh doanh hợp nhất	(45.271.414.084)
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	62.229.284.532
Lợi thế thương mại tăng từ việc mua công ty con trong kỳ	-
Phân bổ vào kết quả kinh doanh hợp nhất	(22.635.707.042)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018	39.593.577.490

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a - DN/HN

5.14 Phải trả người bán ngắn hạn*Đơn vị tính: VND*

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng thanh toán	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng thanh toán
Phải trả các bên liên quan (i)	28.232.120.128	28.232.120.128	35.680.316.043	35.680.316.043
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	19.350.023.382	19.350.023.382	19.350.023.382	19.350.023.382
Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 5	4.391.904.574	4.391.904.574	5.305.055.453	5.305.055.453
Công ty CP Thương mại Xây dựng Kỹ thuật Thiên Thành	957.674.400	957.674.400	1.360.174.200	1.360.174.200
Các nhà cung cấp khác	20.502.527.956	20.502.527.956	25.620.382.084	25.620.382.084
Cộng	73.434.250.440	73.434.250.440	87.315.951.162	87.315.951.162
<i>(i) Chi tiết phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan</i>				
Công ty CII E&C	12.043.853.474	12.043.853.474	20.142.163.818	20.142.163.818
Công ty CP Cơ khí Điện Lữ Gia	10.056.087.700	10.056.087.700	12.680.691.229	12.680.691.229
Công ty TNHH Dịch vụ MCSC	3.002.359.908	3.002.359.908	2.100.907.520	2.100.907.520
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	2.929.577.876	2.929.577.876	528.734.576	528.734.576
Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Lữ Gia	200.241.170	200.241.170	227.818.900	227.818.900
Cộng	28.232.120.128	28.232.120.128	35.680.316.043	35.680.316.043

5.15 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Khu Quản lý Giao thông Đô thị số 3	3.236.386.150	3.069.805.150
Công ty CP Xây dựng Hạ tầng CII	35.550.000	35.550.000
Khu Quản lý Giao thông Đô thị số 1	-	1.161.925.269
Công ty CP Sonadezi Giang Điền	1.371.997.135	2.367.029.000
Các đối tượng khác	2.324.882.204	2.168.556.723
Cộng	6.968.815.489	8.802.866.142
<i>Trong đó, người mua trả tiền trước là các bên liên quan</i>		
Công ty CP Xây dựng Hạ tầng CII	35.550.000	35.550.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a - DN/HN

5.16 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước*Đơn vị tính: VND*

	01/01/2018	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/06/2018
a. Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	1.193.565.162	16.014.051	-	1.177.551.111
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	-	-	-	-
Tiền thuế đất nộp thừa	437.828.919	46.585.167	-	391.243.752
Cộng	1.631.394.081	62.599.218	-	1.568.794.863
b. Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	1.340.261.243	16.325.291.206	15.205.539.054	2.460.013.395
Thuế thu nhập doanh nghiệp	28.709.988.472	25.885.387.374	13.061.700.863	41.533.674.983
Thuế thu nhập cá nhân	318.279.477	609.568.213	705.961.556	221.886.134
Các loại thuế khác	-	28.000.000	28.000.000	-
Các khoản phí và lệ phí	-	119.113.274	119.113.274	-
Cộng	30.368.529.192	42.967.360.067	29.120.314.747	44.215.574.512

5.17 Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
Chi phí phải trả về thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị, duy tu công trình	4.525.587.530	1.485.587.670
Chi phí lãi vay phải trả	34.179.027.313	32.641.364.061
Chi phí phải trả khác	330.677.850	196.833.333
Cộng	39.035.292.693	34.323.785.064

5.18 Phải trả khác

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
a. Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	8.662.316	10.591.004
Bảo hiểm xã hội	37.292.886	37.292.887
Bảo hiểm y tế	6.045.843	6.045.843
Bảo hiểm thất nghiệp	399.628	398.969
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	171.446.507.946	141.904.284.238
Phải trả tiền gốc hỗ trợ vốn	246.033.297.645	392.164.833.606
Phải trả chi phí sử dụng vốn và lãi vay	69.629.596.929	55.129.314.559
Lãi trái phiếu phải trả	13.361.111.111	23.318.055.556
Phải trả khoản lãi vốn chủ nhận bàn giao	-	6.992.659.506
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	76.000.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	9.362.699.814	8.623.318.532
Cộng	509.961.614.118	628.186.794.700

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a - DN/HN

5.18 Phải trả khác (Tiếp theo)

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
b. Dài hạn		
Tiền thu trước của các hộ dân nhận đất khu tái định cư Dự án B.O.T mở rộng nâng cấp đường ĐT 741 tỉnh Bình Dương	1.236.091.258	1.236.091.258
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	252.220.500
Cộng	1.236.091.258	1.488.311.758
<i>Trong đó, phải trả khác là các bên liên quan</i>		
Công ty CII	483.796.303.011	607.691.453.105
<i>Phải trả tiền gốc hỗ trợ vốn</i>	246.033.297.645	392.164.833.606
<i>Phải trả chi phí sử dụng vốn</i>	64.233.763.596	55.129.314.559
<i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả</i>	171.379.241.770	141.838.745.345
<i>Phải trả lãi trái phiếu</i>	2.150.000.000	11.001.388.889
<i>Phải trả khoản lãi vốn chủ nhận bàn giao</i>	-	6.992.659.506
<i>Phải trả khác</i>	-	564.511.200
Lãi trái phiếu phải trả Công ty CII E&C	1.433.333.333	7.566.666.667
Lãi trái phiếu, lãi vay phải trả Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	15.173.611.111	4.750.000.000
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	76.000.000	-
Cộng	500.479.247.455	620.008.119.772

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a - DN/HN

5.19 Vay và nợ thuê tài chính**a. Ngắn hạn**

	30/06/2018		01/01/2018		Đơn vị tính: VND	
	Nợ gốc	Giá trị có khả năng thanh toán	Tăng	Giảm		Nợ gốc
Công ty CII	848.559.130.000	848.559.130.000	-	50.477.000.000	899.036.130.000	899.036.130.000
Ngân hàng Malayan Banking Berhad	67.000.000.000	67.000.000.000	-	-	67.000.000.000	67.000.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Long An	-	-	-	13.563.000.000	13.563.000.000	13.563.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bến Tre	-	-	-	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
Cộng vay ngắn hạn	915.559.130.000	915.559.130.000	-	74.040.000.000	989.599.130.000	989.599.130.000
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 5.19.b)	302.001.100.000	302.001.100.000	-	-	455.692.600.000	455.692.600.000
Tổng cộng	1.217.560.230.000	1.217.560.230.000			1.445.291.730.000	1.445.291.730.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a - DN/HN

5.19. Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)*Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn*

Bên cho vay	Số dư vay	Thời hạn vay	Ngày đáo hạn	Lãi suất vay	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
Công ty CII	385.708.750.000	12 tháng	28/05/2016	Thả nổi, lãi suất trong năm là 4,25%	Đầu tư góp vốn vào Công ty CP BOT Trung Lương - Mỹ Thuận và hỗ trợ vốn cho Công ty CP Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	Cổ phần của Công ty CP BOT Trung Lương - Mỹ Thuận mà Công ty CP Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc sở hữu
	462.850.380.000			10,5%/năm	Hỗ trợ vốn cho Công ty CP Tập đoàn Yên Khánh và Công ty CP Hoàng An	Cổ phần của Công ty CP BOT Trung Lương - Mỹ Thuận mà hai công ty này sở hữu
	848.559.130.000					
Ngân hàng Malayan Banking Berhad	67.000.000.000	9 tháng	05/06/2018	Thả nổi, lãi suất trong năm là 7,9%	Tài trợ kinh phí đền bù giải phóng mặt bằng cho dự án B.O.T mở rộng Xa lộ Hà Nội	Khoản vay được bảo lãnh bởi Công ty CII - Công ty mẹ của cả tập đoàn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CHỊ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a - DN/HN

5.19. Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

b. Dài hạn

	30/06/2018		01/01/2018	
	Nợ gốc	Giá trị có khả năng thanh toán	Tăng	Giảm
Vay dài hạn	4.694.836.570.571	4.694.836.570.571	489.151.491.665	255.189.500.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 11	3.584.609.126.161	3.584.609.126.161	113.814.641.849	46.500.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Sài Gòn	380.017.568.925	380.017.568.925	-	10.529.000.000
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	250.000.000.000	250.000.000.000	250.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bến Tre	258.427.184.761	258.427.184.761	116.479.200.218	26.500.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương	127.465.590.724	127.465.590.724	8.857.649.598	30.605.000.000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	94.317.100.000	94.317.100.000	-	105.305.500.000
Ngân hàng TMCP Bản Việt	-	-	-	35.750.000.000
Trái phiếu phát hành	399.215.890.410	400.000.000.000	99.178.081	-
Trái phiếu HNHCB_2017 300 tỷ phát hành tháng 5 năm 2017	299.417.671.232	300.000.000.000	74.383.561	-
Trái phiếu HNHCB_2017 100 tỷ phát hành tháng 7 năm 2017	99.798.219.178	100.000.000.000	24.794.520	-
Cộng vay và nợ dài hạn	5.094.052.460.981	5.094.052.460.981	489.250.669.746	255.189.500.000
Trừ: Các khoản vay và nợ dài hạn phải trả trong vòng 12 tháng	(302.001.100.000)	(302.001.100.000)		(455.692.600.000)
Tổng cộng	4.792.051.360.981	4.792.051.360.981		4.460.874.578.906
				(455.692.600.000)
				4.005.181.978.906

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CH

Bảo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a - DN/HN

5.19. Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)*Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn*

Bên cho vay	Số dư vay	Thời hạn vay	Ngày đáo hạn	Lãi suất vay	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 11	2.193.739.573.989	15 năm	31/12/2029	Thả nổi, lãi suất trong năm là 9,3%	Đầu tư xây dựng Dự án mở rộng Xa lộ Hà Nội theo hình thức hợp đồng B.O.T	Toàn bộ quyền quản lý, thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ trên Xa lộ Hà Nội hoàn vốn đầu tư dự án B.O.T mở rộng Xa lộ Hà Nội, quyền thụ hưởng bảo hiểm mọi rủi ro liên quan đến thi công và xây lắp trong thời gian xây dựng của dự án
	133.500.000.000		23/07/2020	Thả nổi, lãi suất trong năm là 10%	Tài trợ cho Dự án Đầu tư mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A đoạn qua Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, giai đoạn 1	Quyền thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ, các quyền lợi phát sinh khác trong quá trình thu giá thuộc dự án và quyền được nhận số tiền bảo hiểm mọi rủi ro cho tài sản thuộc dự án
	1.257.369.552.172	15 năm	13/02/2030	Thả nổi, lãi suất trong năm là 8,8%	Tài trợ cho Dự án mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua tỉnh Ninh Thuận theo hình thức hợp đồng B.O.T, giai đoạn 2	Các lợi ích kinh tế mà Công ty có thể thu được trong tương lai từ dự án
	3.584.609.126.161					
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Sài Gòn	308.887.945.641	8,5 năm	25/11/2023	Thả nổi, lãi suất trong năm là 9,5%	Thanh toán giá trị nhận chuyển nhượng vốn góp vào Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	Các lợi ích kinh tế mà Công ty có thể thu được trong tương lai từ các khoản đầu tư
	71.129.623.284	7 năm	02/12/2022		Thanh toán giá trị nhận chuyển nhượng vốn góp vào Công ty TNHH BOT cầu Rạch Miễu	
	380.017.568.925					

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CHI

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a - DN/HN

5.19. Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

Bên cho vay	Số dư vay	Thời hạn vay	Ngày đáo hạn	Lãi suất vay	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương	85.645.660.841	10 năm	23/12/2019	Lãi suất trong năm là 9%-9,8%	Đầu tư xây dựng Dự án đầu tư nâng cấp mở rộng đường ĐT 741 tỉnh Bình Dương, đoạn từ Km 0 + 000 đến Km 49 + 670,4 theo hình thức hợp đồng B.O.T	Quyền quản lý và thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ theo hợp đồng B.O.T và nguồn thu hợp pháp từ các dịch vụ khác trên tuyến đường thu phí hoàn vốn đầu tư dự án
	23.674.636.617	10 năm	05/11/2019	Lãi suất trong năm là 9%-9,58%	Tài trợ kinh phí thi công xây lắp giai đoạn 2 Dự án đầu tư nâng cấp mở rộng đường ĐT 741 tỉnh Bình Dương	
	18.145.293.266	7 năm	11/06/2024	Thả nổi, lãi suất trong năm là 10,5%	Tài trợ kinh phí trung tu đường ĐT 741 tỉnh Bình Dương	
	127.465.590.724					
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bến Tre	258.427.184.761	12 năm	31/01/2021	Thả nổi, lãi suất trong năm là 9,19%-9,28%	Đầu tư xây dựng dự án cầu Rạch Miếu, quốc lộ 60 nối tỉnh Tiền Giang và Bến Tre	Tất cả các nguồn thu từ dự án
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	94.317.100.000	2 năm	31/12/2018	Thả nổi, lãi suất trong năm là 8,8%-9,3%	Góp vốn vào Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Cầu đường CII và góp vốn vào Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miếu	Các lợi ích thu được trong tương lai từ việc đầu tư vào Công ty CP Xây dựng Cầu Sài Gòn sau khi đảm bảo các nghĩa vụ của CII với Vietinbank liên quan đến gói trái phiếu CII-B2013-1 phát hành bởi CII ngày 17 tháng 4 năm 2013
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	250.000.000.000	3 năm	18/04/2021	10,5%/năm	Đầu tư xây dựng Dự án mở rộng Xa lộ Hà Nội theo hình thức hợp đồng B.O.T	Không có tài sản đảm bảo

5.19. Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

Thông tin bổ sung cho trái phiếu chưa đáo hạn

Trái phiếu HNHC_2017 300 tỷ phát hành tháng 5 năm 2017

- Mệnh giá: 1.000.000.000 đồng;
- Số lượng: 300 trái phiếu;
- Đối tượng chào bán: Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh và Công ty CP Xây dựng Hạ tầng CII;
- Hình thức trái phiếu: trái phiếu ghi sổ;
- Ngày phát hành: 19 tháng 5 năm 2017;
- Thời hạn trái phiếu: 5 năm;
- Thanh toán lãi trái phiếu: lãi trái phiếu trả định kỳ 1 năm một lần kể từ và bao gồm ngày phát hành cho đến, nhưng không bao gồm ngày thanh toán lãi và ngày đáo hạn;
- Thanh toán gốc trái phiếu: gốc trái phiếu được thanh toán 1 lần khi đến hạn;
- Lãi suất: lãi suất thả nổi, điều chỉnh 3 tháng một lần, bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng dành cho cá nhân được công bố bởi Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam + biên độ 3,2%/năm.
- Mục đích: Tăng quy mô vốn hoạt động, tài trợ thanh toán kinh phí hỗ trợ đền bù giải phóng mặt bằng phục vụ cho dự án B.O.T mở rộng Xa lộ Hà Nội.

Trái phiếu HNHC_2017 100 tỷ phát hành tháng 7 năm 2017

- Mệnh giá: 1.000.000.000 đồng;
- Số lượng: 100 trái phiếu;
- Đối tượng chào bán: Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm;
- Hình thức trái phiếu: trái phiếu ghi sổ;
- Ngày phát hành: 14 tháng 7 năm 2017;
- Thời hạn trái phiếu: 5 năm;
- Thanh toán lãi trái phiếu: lãi trái phiếu trả định kỳ 1 năm một lần kể từ và bao gồm ngày phát hành cho đến, nhưng không bao gồm ngày thanh toán lãi và ngày đáo hạn;
- Thanh toán gốc trái phiếu: gốc trái phiếu được thanh toán 1 lần khi đến hạn;
- Lãi suất: lãi suất thả nổi, điều chỉnh 3 tháng một lần, bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng dành cho cá nhân được công bố bởi Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam + biên độ 3,2%/năm.
- Mục đích: Tăng quy mô vốn hoạt động, tài trợ thanh toán kinh phí hỗ trợ đền bù giải phóng mặt bằng phục vụ cho dự án B.O.T mở rộng Xa lộ Hà Nội.

Lịch thanh toán các khoản nợ vay dài hạn

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Trong vòng một năm	302.001.100.000	455.692.600.000
Trong năm thứ hai	233.475.297.458	269.452.297.458
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	372.652.846.734	371.607.197.136
Sau năm năm	3.786.707.326.379	3.364.122.484.312
Cộng	4.694.836.570.571	4.460.874.578.906
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	(302.001.100.000)	(455.692.600.000)
Số phải trả sau 12 tháng	4.392.835.470.571	4.005.181.978.906

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a - DN/HN

5.19. Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)**Lịch thanh toán trái phiếu**

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
Trong vòng một năm	-	-
Trong năm thứ hai	-	-
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	400.000.000.000	400.000.000.000
Sau năm năm	-	-
Cộng	400.000.000.000	400.000.000.000
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	-	-
Số phải trả sau 12 tháng	400.000.000.000	400.000.000.000

5.20 Thuế thu nhập hoãn lại*Đơn vị tính: VND*

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
	Tại ngày 30/06/2018	Tại ngày 01/01/2018	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
Thuế TNDN hoãn lại phải trả				
Lợi nhuận chưa thực hiện	-	-	-	-
Chênh lệch do đánh giá lại giá trị tài sản của công ty con tại ngày hợp nhất kinh doanh (i)	113.429.975.232	113.429.975.232	-	-
Tổng thu nhập thuần ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh			-	-

- (i) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời do đánh giá lại giá trị tài sản thuần của Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG và Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu như đã nêu tại Thuyết minh số 13. Khoản thuế thu nhập hoãn lại phải trả này được ghi nhận theo thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi là 20% và được giảm trừ trực tiếp vào khoản lãi phát sinh từ giao dịch mua giá rẻ hoặc lợi thế thương mại khi hợp nhất kinh doanh mà không được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khoản thuế thu nhập hoãn lại phải trả sẽ được hoàn nhập khi Công ty thanh lý tài sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CH

Bảo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a - DN/HN

5.21 Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu***Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Tại ngày 01/01/2017	1.928.547.650.000	3.657.748.096	37.726.295.629	524.577.588.133	523.739.692.961	3.018.248.974.819
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	162.374.543.678	65.504.268.848	227.878.812.526
Chia cổ tức	-	-	-	(185.140.574.400)	(116.430.005.575)	(301.570.579.975)
Cổ đông không kiểm soát góp vốn	-	-	-	-	171.701.000.000	171.701.000.000
Thoái vốn trong công ty con	-	-	-	-	(25.380.178.332)	(25.380.178.332)
Thay đổi phần sở hữu của Công ty mẹ và NCI	-	-	(122.068)	1.489.928.346	(1.489.806.278)	-
Trích lập các quỹ, thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	13.557.161.715	(16.600.563.685)	-	(3.043.401.970)
Tại ngày 01/01/2018	1.928.547.650.000	3.657.748.096	51.283.335.276	486.700.922.072	617.644.971.624	3.087.834.627.068
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	92.665.074.114	42.673.649.414	135.338.723.528
Chia cổ tức	-	-	-	-	(31.469.035.363)	(31.469.035.363)
Cổ đông không kiểm soát thoái vốn	-	-	-	-	(1.068.095.572)	(1.068.095.572)
Thay đổi phần sở hữu của Công ty mẹ và NCI	-	-	-	(572.192.231)	572.192.231	-
Trích lập các quỹ, thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	(105.999.999)	-	(105.999.999)
Tại ngày 30/06/2018	1.928.547.650.000	3.657.748.096	51.283.335.276	578.687.803.956	628.353.682.334	3.190.530.219.662

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a - DN/HN

5.21 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**b. Cổ phiếu**

	30/06/2018	01/01/2018
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	192.854.765	192.854.765
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	192.854.765	192.854.765
+ Cổ phiếu phổ thông	192.854.765	192.854.765
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	192.854.765	192.854.765
+ Cổ phiếu phổ thông	192.854.765	192.854.765
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/cổ phiếu		

5.22 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
Doanh thu thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ	293.203.527.271	242.267.223.635
Doanh thu thi công, lắp đặt, duy tu công trình	19.536.412.604	21.679.360.744
Doanh thu cung cấp dịch vụ	557.945.998	546.526.203
Cộng	313.297.885.873	264.493.110.582
<i>Các khoản giảm trừ doanh thu</i>		
Hoàn nhập lãi vốn chủ sở hữu	8.219.692.030	7.442.335.374
Giảm giá hàng bán	419.779.847	-
Hàng bán bị trả lại	-	-
Cộng	8.639.471.877	7.442.335.374
Doanh thu thuần	304.658.413.996	257.050.775.208
<i>Trong đó, doanh thu phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan</i>		
Công ty CII	295.446.000	295.446.000
Cộng	295.446.000	295.446.000

5.23 Giá vốn hàng bán

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
Giá vốn thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ	79.952.220.848	66.326.627.674
Giá vốn thi công, lắp đặt, duy tu công trình	19.976.126.166	21.445.440.946
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	418.126.340	450.316.901
Cộng	100.346.473.354	88.222.385.521

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a - DN/HN

5.24 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
Lãi bảo toàn vốn chủ sở hữu theo hợp đồng B.O.T	96.932.729.664	77.227.462.197
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	64.712.758.427	42.466.100.392
Lãi trả chậm (i)	8.000.000.000	39.258.969.030
Lợi nhuận được chia từ hợp đồng hợp tác đầu tư khai thác quyền thu giá hoàn vốn xây dựng cầu Rạch Chiềc	-	8.316.929.186
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	39.599	-
Cộng	169.645.527.690	167.269.460.805

Trong đó, doanh thu phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan

Lãi cho vay phải thu Công ty CII	9.875.021.167	11.187.810.571
Lãi cho vay phải thu Công ty CII E&C	45.047.222	-
Lợi nhuận được chia từ hợp đồng hợp tác đầu tư khai thác quyền thu giá hoàn vốn xây dựng cầu Rạch Chiềc với Công ty CII	-	8.316.929.186
Cộng	9.920.068.389	19.504.739.757

(i) Lãi trả chậm được ghi nhận theo quy định trong hợp đồng Xây dựng Chuyển giao Dự án Cầu Sài Gòn. Cụ thể, khoản lãi trả chậm được tính theo chu kỳ 6 tháng với lãi suất trả chậm bằng 7,81%/6 tháng, được tính trên số dư nợ vốn đầu tư mà UBND Thành phố Hồ Chí Minh chưa thanh toán.

5.25 Chi phí tài chính

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
Chi phí lãi vay	129.185.151.821	99.229.699.065
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	19.811.132.397
Chi phí tài chính khác	-	37.723
Cộng	129.185.151.821	119.040.869.185

Trong đó, chi phí phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan

Chi phí lãi vay và lãi hợp tác đầu tư phải trả cho Công ty CII	39.713.018.265	15.667.478.896
Chi phí lãi vay phải trả cho Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	5.274.998.103	-
Cộng	44.988.016.368	15.667.478.896

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a - DN/HN

5.26 Chi phí bán hàng

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
Chi phí lương nhân viên	2.946.377.031	2.639.932.035
Chi phí dịch vụ thu hộ giá dịch vụ sử dụng đường bộ	10.949.022.020	11.193.063.034
Chi phí in vé thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ	225.522.916	660.662.966
Các khoản chi phí bán hàng khác	468.954.824	2.432.430.981
Cộng	14.589.876.791	16.926.089.016

Trong đó, chi phí phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan

Công ty TNHH Dịch vụ MCSC	10.949.022.020	5.708.811.591
Công ty Cổ phần Cơ khí điện Lữ Gia	65.700.000	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	-	1.868.191.691
Cộng	11.014.722.020	7.577.003.282

5.27 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
Phân bổ lợi thế thương mại	22.635.707.042	22.635.707.042
Chi phí lương nhân viên	7.221.292.230	6.209.150.502
Chi phí công cụ, dụng cụ văn phòng	685.098.393	1.966.991.198
Chi phí khấu hao tài sản cố định	31.436.401.017	32.478.414.470
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	3.579.563.537	-
Chi phí thuê văn phòng	429.033.091	385.217.474
Chi phí tiếp khách	919.558.074	691.100.912
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	3.532.203.316	2.056.498.935
Cộng	70.438.856.700	66.423.080.533

Trong đó, chi phí phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan

Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Lữ Gia	497.119.727	388.106.424
--	-------------	-------------

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII

Bảo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a - DN/HN

5.28 Thu nhập khác

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
Điều chỉnh giảm các khoản người mua trả tiền trước không tiếp tục thực hiện hợp đồng	562.158.462	-
Thu nhập từ cho thuê máy móc thiết bị	192.000.000	192.000.000
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	-	301.418.680
Thu nhập khác	194.477.660	-
Cộng	948.636.122	493.418.680

Trong đó, thu nhập phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan

Công ty TNHH Dịch vụ MCSC	96.000.000	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	96.000.000	192.000.000
Cộng	192.000.000	192.000.000

5.29 Chi phí khác

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
Chi phí tài sản cho thuê	383.686.341	317.487.275
Phạt chậm nộp thuế, truy thu thuế	136.177.990	45.416.751
Phạt vi phạm hành chính về thuế	-	46.103.768
Chi phí khác	34.212.523	1.250.000
Cộng	554.076.854	410.257.794

5.30 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	769.949.804	-
Chi phí nhân công	9.665.072.199	9.583.151.271
Chi phí khấu hao tài sản cố định	95.158.571.205	94.155.215.928
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.504.818.291	61.880.800.272
Chi phí bằng tiền khác	4.242.362.993	1.900.972.509
Cộng	138.340.774.492	167.520.139.980

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CUI

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a - DN/HN

5.31 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018		Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017	
	Hoạt động được ưu đãi thuế VND	Hoạt động không được ưu đãi thuế VND	Hoạt động được ưu đãi thuế VND	Hoạt động không được ưu đãi thuế VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	142.195.736.310	19.044.388.643	138.761.938.207	(2.238.595.716)
Các khoản điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	516.379.198	103.797.727.831	894.511.485	89.224.903.355
<i>Có tức, lợi nhuận được chia</i>	-	-	-	(8.316.929.186)
<i>Lợi nhuận từ công ty liên doanh, liên kết</i>	-	(1.101.982.665)	-	(2.732.369.847)
<i>Phần bù giá trị của quyền thu phí được định giá lại khi hợp nhất</i>	-	31.052.044.288	-	32.112.346.614
<i>Lợi thế thương mại phân bổ</i>	-	22.635.707.042	-	22.635.707.042
<i>Hoàn nhập lỗ chịu thuế của các công ty bị bù trừ khi hợp nhất</i>	-	4.119.979.770	-	37.290.612.965
<i>Chi phí lãi vay không được trừ</i>	-	47.383.257.058	-	7.599.318.055
<i>Chi phí không hợp lý, hợp lệ</i>	1.166.084.753	126.730.967	894.511.485	636.217.712
<i>Các khoản điều chỉnh khác</i>	(649.705.555)	(418.008.629)	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	142.712.115.508	122.842.116.474	139.656.449.692	86.986.307.639
Lỗ tính thuế mang sang	-	-24.253.068.002	-	-
Tổng thu nhập tính thuế	142.712.115.508	98.589.048.472	139.656.449.692	86.986.307.639
<i>Thu nhập chịu thuế 20%</i>	-	98.589.048.472	39.246.206.648	86.986.307.639
<i>Thu nhập chịu thuế 10%</i>	142.712.115.508	-	100.410.243.044	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	14.271.211.551	19.717.809.694	17.890.265.634	17.397.261.528
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn</i>	(2.443.972.028)	-	(8.961.299.027)	-
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm 50%</i>	(5.715.072.778)	-	(4.464.483.305)	-
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp bị truy thu</i>	71.424.986	-	55.812.500	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	6.183.591.731	19.717.809.694	4.520.295.802	17.397.261.528

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập tính thuế của các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường.

Hoạt động đầu tư vào các dự án hạ tầng theo hợp đồng B.O.T và B.T được hưởng ưu đãi thuế theo quy định của luật thuế TNDN hiện hành. Cụ thể, thu nhập phát sinh từ các dự án đầu tư này được hưởng mức thuế suất ưu đãi là 10% trong vòng 15 năm, miễn thuế trong vòng 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a - DN/HN

5.32 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	92.665.074.114	88.241.245.659
Trừ số trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi, thù lao HDQT và BKS	(396.807.042)	(288.107.599)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông Công ty mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông	92.268.267.072	87.953.138.060
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm	192.854.765	192.854.765
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	478	456

Lợi nhuận dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu của kỳ so sánh đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trên Báo tài chính hợp nhất kỳ trước để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế của năm 2017 theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông thường niên năm 2018.

Số trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát năm nay giảm trừ vào lợi nhuận dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu được ước tính theo tỷ lệ 1% lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ.

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
Số tiền đi vay thực thu trong kỳ		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	489.151.491.665	870.647.586.664
Tiền thu từ đi vay các Công ty trong tập đoàn	50.332.000.000	64.710.000.000
	539.483.491.665	935.357.586.664
Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	329.229.500.000	261.046.566.237
Tiền trả nợ vay các Công ty trong tập đoàn	196.463.535.961	44.803.183.319
	525.693.035.961	305.849.749.556

6.2 Báo cáo bộ phận

Để phục vụ cho mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành các bộ phận khác nhau. Theo đó, báo cáo bộ phận chính yếu dựa trên loại hình hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty không báo cáo theo khu vực địa lý vì sự tập trung và nơi cung cấp hàng hóa dịch vụ của Công ty chủ yếu được thực hiện tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Kết quả báo cáo bộ phận bao gồm: các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm: tài sản, nợ phải trả, doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

6.2 Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)

Các bộ phận hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm 5 bộ phận như sau: hoạt động sản xuất, kinh doanh bán hàng; hoạt động đầu tư theo hình thức hợp đồng B.T; hoạt động thi công lắp đặt, duy tu công trình; dịch vụ cho thuê mặt bằng và dịch vụ tư vấn thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ; hoạt động thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ. Hoạt động cụ thể của từng bộ phận kinh doanh như sau:

- Hoạt động sản xuất, kinh doanh bán hàng: sản xuất kinh doanh cần đèn, trụ đèn, trụ điện lực, thiết bị điện;
- Hoạt động đầu tư theo hình thức hợp đồng B.T: đầu tư xây dựng các công trình cầu đường theo hình thức hợp đồng B.T;
- Hoạt động thi công lắp đặt, duy tu công trình: thi công lắp đặt thiết bị các công trình chiếu sáng, duy tu bảo dưỡng các công trình công cộng;
- Hoạt động cho thuê mặt bằng, tư vấn thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ: cho thuê văn phòng, kho bãi; tư vấn quản lý và khai thác thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ hoàn vốn đầu tư xây dựng các công trình cầu đường theo hình thức hợp đồng B.O.T;
- Hoạt động thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ: thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ hoàn vốn đầu tư xây dựng dự án cầu đường theo hợp đồng B.O.T.

Công ty lập báo cáo bộ phận theo 5 bộ phận kinh doanh này. Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CHI

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a - DN/HN

6.2 Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bộ phận cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

	Hoạt động đầu tư theo hợp đồng B.T	Thi công lắp đặt, duy tu công trình	Cho thuê mặt bằng, tư vấn thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ	Hoạt động thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ	Loại trừ giao dịch nội bộ	<u>Đơn vị tính: VND</u> Tổng cộng
Doanh thu thuần						
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	-	19.116.632.757	557.945.998	284.983.835.241	-	304.658.413.996
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	2.113.469.204	-	(2.113.469.204)	-
Cộng	-	19.116.632.757	2.671.415.202	284.983.835.241	(2.113.469.204)	304.658.413.996
Giá vốn						
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp ra bên ngoài	-	19.976.126.166	418.126.340	79.952.220.848	-	100.346.473.354
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp giữa các bộ phận	-	-	-	-	-	-
Cộng	-	19.976.126.166	418.126.340	79.952.220.848	-	100.346.473.354
Lợi nhuận gộp bộ phận	-	(859.493.409)	2.253.288.862	205.031.614.393	(2.113.469.204)	204.311.940.642
Doanh thu hoạt động tài chính	8.001.355.969					169.645.527.690
Chi phí tài chính	-					129.185.151.821
Phản lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	-					1.101.982.665
Chi phí bán hàng	-					14.589.876.791
Chi phí quản lý doanh nghiệp	58.130.422					70.438.856.700
Thu nhập khác	-					948.636.122
Chi phí khác	-					554.076.854
Chi phí thuế TNDN hiện hành	397.363.210					25.901.401.425
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	-					-
Tổng lợi nhuận sau thuế	7.545.862.337					135.338.723.528

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CUI

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a - DN/HN

6.2 Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bộ phận cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017**

	Hoạt động đầu tư theo hợp đồng B.T	Thi công, duy tu công trình	Cho thuê mặt bằng, tư vấn thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ	Hoạt động thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ	Loại trừ giao dịch nội bộ	Đơn vị tính: VND
						Tổng cộng
Doanh thu thuần						
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	-	21.679.360.744	546.526.195	234.824.888.269	-	257.050.775.208
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	5.574.703.526	1.945.452.968	-	(7.520.156.494)	-
Cộng	-	27.254.064.270	2.491.979.163	234.824.888.269	(7.520.156.494)	257.050.775.208
Giá vốn						
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp ra bên ngoài	-	21.445.440.946	450.316.901	66.326.627.674	-	88.222.385.521
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp giữa các bộ phận	-	5.574.703.526	-	-	(5.574.703.526)	-
Cộng	-	27.020.144.472	450.316.901	66.326.627.674	(5.574.703.526)	88.222.385.521
Lợi nhuận gộp bộ phận	-	233.919.798	2.041.662.262	168.498.260.595	(1.945.452.968)	168.828.389.687
Doanh thu hoạt động tài chính	39.296.824.397					167.269.460.805
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	-					2.732.369.847
Chi phí tài chính	-					119.040.869.185
Chi phí bán hàng	-					16.926.089.016
Chi phí quản lý doanh nghiệp	49.484.004					66.423.080.533
Thu nhập khác	-					493.418.680
Chi phí khác	226.749					410.257.794
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-					21.917.557.330
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	-					-
Tổng lợi nhuận sau thuế	39.247.113.644					114.605.785.161

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a - DN/HN

6.3 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh ("CII")	Công ty mẹ
Công ty CP Xây dựng Hạ tầng CII ("CII E&C")	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty CP Cơ khí điện Lữ Gia	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Lữ Gia	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH Dịch vụ MCSC	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	Công ty trong cùng tập đoàn

Ngoài các số dư và giao dịch với bên liên quan đã được trình bày tại các thuyết minh khác của Báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Công ty còn có các giao dịch chủ yếu khác với các bên liên quan như sau:

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
Giao dịch với Công ty CII		
Nhận tiền hỗ trợ vốn	50.332.000.000	100.960.000.000
Thanh toán tiền hỗ trợ vốn	246.940.535.961	17.610.000.000
Lãi vay hỗ trợ vốn đầu tư vào các dự án B.O.T chưa khai thác	3.296.738.400	3.296.738.400
Lãi vay hỗ trợ vốn, lãi trái phiếu liên quan đến xây dựng cơ bản dở dang	16.121.311.557	3.847.101.848
Thanh toán lãi vay, lãi trái phiếu	25.980.682.222	-
Thanh toán khoản lãi vốn chủ nhận bàn giao	6.992.659.506	-
Cổ tức, lợi nhuận đã chia trong năm	31.463.460.352	137.299.823.485
Cổ tức, lợi nhuận đã trả trong năm	1.922.963.927	117.005.195.520
Chuyển tiền cho vay	60.000.000.000	118.545.000.000
Nhận lại tiền cho vay	72.142.688.373	212.354.835.291
Thu lãi cho vay	9.091.513.002	13.245.164.709
Hoàn trả tiền vốn góp	12.570.900.000	12.570.900.000
Nhận tiền mua trái phiếu	-	180.000.000.000
Lãi/(lỗ) phát sinh từ hợp đồng góp vốn đầu tư dự án cầu Rạch Chiếc	-	8.316.929.186
Giao dịch với Công ty CII E&C		
Chi phí thi công xây dựng công trình	178.822.322.399	111.048.191.299
Thanh toán giá trị thi công xây dựng công trình	219.843.595.345	221.459.171.314
Chuyển nhượng công ty con	-	78.000.000.000
Nhận tiền mua trái phiếu	-	120.000.000.000
Lãi trái phiếu liên quan đến xây dựng cơ bản dở dang phải trả	6.033.333.333	1.433.333.333
Thanh toán lãi trái phiếu	12.166.666.667	-
Chuyển tiền cho vay	7.000.000.000	-
Nhận lại tiền cho vay	7.000.000.000	-
Thu lãi cho vay	45.047.222	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a - DN/HN

6.3 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
Giao dịch với Công ty CP Cơ khí điện Lữ Gia		
Chi phí thi công công trình xây lắp	13.796.842.611	26.594.234.292
Thanh toán chi phí thi công công trình xây lắp	16.179.970.496	40.010.481.662
Thu tiền bán hàng	209.783.671	-
Giao dịch với Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Lữ Gia		
Chi phí thuê mặt bằng	497.119.727	421.463.738
Giao dịch với Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII		
Chi phí thi công công trình xây lắp	18.618.260.937	8.178.611.281
Thanh toán chi phí thi công công trình xây lắp	15.781.455.244	11.267.954.396
Chi phí sửa chữa bảo trì đường bộ thường xuyên	1.522.048.167	1.868.191.691
Thanh toán chi phí sửa chữa bảo trì đường bộ thường xuyên	2.274.655.793	1.952.260.317
Chi phí cung cấp, lắp đặt thiết bị trạm thu phí	-	2.628.875.455
Thanh toán chi phí cung cấp, lắp đặt thiết bị trạm thu phí	-	2.609.816.000
Giao dịch với Công ty TNHH Dịch vụ MCSC		
Chi phí dịch vụ thu hộ giá dịch vụ sử dụng đường bộ	10.949.022.020	11.193.063.034
Thanh toán chi phí dịch vụ thu hộ giá dịch vụ sử dụng đường bộ	12.111.580.661	12.331.786.887
Chi phí duy tu, sửa chữa bảo trì đường bộ thường xuyên	2.704.636.422	386.377.500
Thanh toán chi phí duy tu, sửa chữa bảo trì đường bộ thường xuyên	1.825.712.299	810.137.157
Giao dịch với Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm		
Nhận tiền vay	250.000.000.000	-
Lãi vay hỗ trợ vốn, lãi trái phiếu liên quan đến xây dựng cơ bản dở dang	5.148.613.008	-
Thu nhập Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát được hưởng trong kỳ như sau:		
	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
Lương và thưởng	1.697.273.962	1.610.113.762

6.4 Công cụ tài chính**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.19 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	797.957.294.977	771.520.852.883
Đầu tư tài chính	24.202.956.553	205.255.346.085
Phải thu khách hàng	142.813.716.658	291.828.678.946
Phải thu về cho vay	430.675.663.140	429.233.351.513
Phải thu khác	707.002.746.128	672.240.718.254
Cộng	2.102.652.377.456	2.370.078.947.681
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ thuê tài chính	6.009.611.590.981	5.849.590.421.235
Phải trả người bán	73.434.250.440	87.315.951.162
Phải trả khác	509.961.614.118	628.439.015.200
Chi phí phải trả	39.035.292.693	34.323.785.064
Cộng	6.632.042.748.232	6.599.669.172.661

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

6.4 Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Rủi ro về giá

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu và nhận định rằng chưa có rủi ro về giá cổ phiếu Công ty đang đầu tư.

Công ty cũng chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó.

Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn

mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

6.4 Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tại 30/06/2018			
Vay và nợ thuê tài chính	1.217.560.230.000	4.792.051.360.981	6.009.611.590.981
Phải trả người bán	73.434.250.440	-	73.434.250.440
Phải trả khác	509.961.614.118	-	509.961.614.118
Chi phí phải trả	39.035.292.693	-	39.035.292.693
Cộng	1.839.991.387.251	4.792.051.360.981	6.632.042.748.232
Tại 01/01/2018			
Vay và nợ thuê tài chính	1.445.291.730.000	4.404.298.691.235	5.849.590.421.235
Phải trả người bán	87.315.951.162	-	87.315.951.162
Phải trả khác	628.186.794.700	252.220.500	628.439.015.200
Chi phí phải trả	34.323.785.064	-	34.323.785.064
Cộng	2.195.118.260.926	4.404.550.911.735	6.599.669.172.661

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a - DN/HN

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tại 30/06/2018			
Tiền và các khoản tương đương tiền	797.957.294.977	-	797.957.294.977
Đầu tư tài chính	24.202.956.553	-	24.202.956.553
Phải thu khách hàng	142.813.716.658	-	142.813.716.658
Phải thu về cho vay	400.675.663.140	30.000.000.000	430.675.663.140
Phải thu khác	707.002.746.128	-	707.002.746.128
Cộng	2.072.652.377.456	30.000.000.000	2.102.652.377.456
Tại 01/01/2018			
Tiền và các khoản tương đương tiền	771.520.852.883	-	771.520.852.883
Đầu tư tài chính	205.255.346.085	-	205.255.346.085
Phải thu khách hàng	291.828.678.946	-	291.828.678.946
Phải thu về cho vay	197.808.101.513	231.425.250.000	429.233.351.513
Phải thu khác	672.240.718.254	-	672.240.718.254
Cộng	2.138.653.697.681	231.425.250.000	2.370.078.947.681

6.5 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho năm kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 đã được soát xét và Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác - Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Quốc Tế (Tp. Hà Nội).

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 8 năm 2018



Dương Thị Nhung
Người lập biểu



Nguyễn Văn Chính
Kế toán trưởng



Phạm Thế Chính
Tổng Giám đốc